

TÍNH TIẾP CẬN VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG TIỆN GIÁO DỤC TỪ XA TẠI CÁC NƯỚC NAM Á VÀ KHU VỰC: LIÊN HỆ THỰC TẾ TẠI VIỆT NAM

Đặng Văn Dân

Viện Đại học Mở Hà Nội

TS. Tô Trung Thành

Đại học Kinh tế Quốc dân

Bài viết tập trung vào các vấn đề về khả năng tiếp cận Internet trong giáo dục từ xa tại các nước khu vực và thế giới, nhấn mạnh những vấn đề đang đối mặt của các nhà giáo dục và học viên ở Nam Á, và những phát hiện về khả năng tiếp cận, chấp nhận của giáo dục từ xa ở Bhutan, Pakistan và Sri Lanka. Với những điểm tương đồng về địa lý, điều kiện kinh tế xã hội với các nước trong khu vực, Việt Nam có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông phát triển tương đối mạnh mẽ và nhanh chóng, cần tham khảo kinh nghiệm ứng dụng của các nước, nhằm ứng dụng tốt nhất công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục từ xa.

1. Kinh nghiệm thế giới

1.1. Thực tiễn ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục từ xa của một số nước khu vực và thế giới

Công nghệ thông tin và truyền thông được coi là nhân tố quan trọng đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Phương pháp giáo dục từ xa dựa trên nền tảng công nghệ thông tin và truyền thông giúp học viên có thể truy cập các nguồn tri thức toàn cầu. Các nước trên thế giới, bao gồm các nước thuộc Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Úc, phương tiện thông dụng nhất để cung cấp các khóa học từ xa là Internet World-Wide Web (WWW). Những năm 1990 trở lại đây, các trường Đại học, Cao đẳng thuộc các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước Châu Á, theo kinh nghiệm này, bằng cách chuyển đổi tài liệu vào các khóa học dựa trên web và phát triển các định dạng khóa học trực tuyến mới (Gunawardena, 1995). Cách chuyển đổi và hiệu quả chi phí của mô hình học tập dựa trên công nghệ thông tin & truyền thông ở các nước đang phát triển chưa được xác nhận đầy đủ, tuy nhiên các nghiên cứu cho rằng sự lựa chọn WWW như là một phương tiện giáo dục tại châu Á có thể chưa thực sự chín muồi, vì một phần lớn dân số chưa tiếp cận được với Internet. Một nghiên cứu gần đây của dự án PANdora đã xác nhận kết luận này (Baggaley & Belawati, 2007). Mạng PANdora thuộc Trung tâm nghiên cứu phát triển Canada khu vực Châu Á tài trợ, bao gồm các nhà nghiên cứu,

quản lý tại 14 nước Châu Á cộng tác thực hiện. Nghiên cứu của PANdora về khả năng tiếp cận các công nghệ giáo dục từ xa ở Nam Á (Samaranayake et al., 2007) cho biết, hiện nay hầu hết các học viên sử dụng máy vi tính, mặc dù chỉ có số ít có thể truy cập Internet. Tại Sri Lanka, 79% sử dụng máy vi tính không có Internet ở các cơ sở đào tạo; 42% trong số đó có thể truy cập trực tuyến tại nhà và 35% sử dụng Internet ở kiốt.

Pakistan, nơi có trường Đại học Mở Allama Iqbal (AIU) lớn nhất thế giới, số học viên truy cập Internet tương đối thấp, với các máy vi tính (không có Internet) được sử dụng 42% học viên và các tiện nghi như: E-mail, trang web dựa trên các tài liệu đào tạo, các văn bản truy cập là 15-30%. Phạm vi bao phủ của các nhà cung cấp dịch vụ Internet trong khu vực không bao gồm các khu vực nông thôn, chủ yếu các học viên khu vực Nam Á có truy cập vào các phương tiện như: Đài phát thanh và truyền hình, và chúng được sử dụng như các phương tiện truyền thông giáo dục của hầu hết các trường đại học lớn ở Nam Á. E-learning là phương tiện tiếp cận thành công nhất ở Ấn Độ so với các nước khác, mặc dù chủ yếu trong các khu vực trung tâm, nơi sự tiếp cận thường sẵn có.

Hai trường đại học ở Pakistan đang là minh chứng hữu ích của các loại hình kiểm tra đánh giá điện tử, đang được phát triển ở hệ thống giáo dục Châu Á, đó là Đại học Mở Allama Iqbal ở Islam-

abad với 750 000 học viên, và trường Đại học Áo Pakistan (VUP), với hơn 15 000 học viên. AIOU chủ yếu tiến hành giáo dục từ xa truyền thống dựa vào tài liệu in ấn với sự hỗ trợ của học liệu âm thanh, hình ảnh, đa phương tiện và máy vi tính. Nhà trường cung cấp các chương trình trực tuyến (E-learning) về khoa học máy tính và các môn khoa học xã hội. Chuyên viên của (VUP) phải xử lý khoảng 20 triệu phiếu trả lời mỗi học kỳ và quản lý hơn 400 điểm thi trên phạm vi toàn quốc. Hầu hết các hoạt động kiểm tra đánh giá thực hiện thủ công, thời gian thi mất khoảng 5 tháng kể từ khâu chuẩn bị đầu tiên đến khi công bố kết quả. VUP sử dụng hệ thống kiểm tra đánh giá điện tử tương đối hoàn chỉnh. Đại học Áo sử dụng 4 kênh truyền hình vệ tinh, phát sóng bài giảng tới học viên và sử dụng phương pháp đánh giá điện tử cho tất cả các học viên, tại các cơ sở tiến hành thi điện tử, sử dụng hệ thống đánh giá điện tử hiệu chỉnh phù hợp. Thầy hướng dẫn tiến hành cả đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết thông qua một hệ thống mạnh, tuy nhiên thường đối mặt với những thách thức về an toàn trực tuyến và phụ thuộc vào sự trung thực của học viên (Samaranayake et al, 2007). Như vậy hỗ trợ điện tử cho kiểm tra đánh giá thường chỉ giới hạn ở bộ phận khảo thí của cơ sở đào tạo. Một số ứng dụng đánh giá điện tử khác có xu hướng nằm trong từng bộ phận của các cơ sở giáo dục như là những chương trình thử nghiệm chưa được các nhà quản lý chấp thuận một cách đầy đủ. Việc sử dụng rộng rãi hệ thống đánh giá điện tử dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông tại Châu Á rõ ràng phụ thuộc vào việc xác định các giải pháp kỹ thuật và quy trình đảm bảo sự ổn định của hệ thống.

Tại Bhutan, trong cuộc khảo sát, chỉ có 35% học viên cho rằng họ có thể dễ dàng truy cập vào máy tính, tại nơi làm việc, tại nhà, hoặc trong quán Internet (Jamtsho & Bullen, 2007). Năm 2005, sau khi thực thi khóa e-learning tùy chọn cho các giáo viên đào tạo theo tín chỉ, tương đối ít học viên được hài lòng, 83% cho biết gặp khó khăn trong việc sử dụng các phương pháp trực tuyến do sự kết nối Internet kém, không đủ thời gian (22%), sử dụng quá phức tạp (22%), và cần phải đi quá xa để kết nối Internet (33%). Trong suốt khóa học, 66% nói rằng họ đã sử dụng e-learning tùy chọn ít hơn một lần trong một tháng. Việc triển khai phát triển đội ngũ thực hiện hệ thống quản lý tài nguyên học tập (LMS) sử dụng mã nguồn mở Moodle gặp rất nhiều trở ngại do thiếu sự hỗ trợ kỹ thuật và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin & truyền thông quốc gia. Ở các quốc gia bao gồm: Indonesia, Lào, Mông Cổ và Thái Lan, e-

learning đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển và có cùng trở ngại trong quá trình phát triển (Baggaley & Belawati, 2007).

Các nhà nghiên cứu thuộc dự án PANdora tại Thái Lan và Indonesia cũng gặp một số trở ngại tương tự như các nước khác và cho rằng những cơ sở giáo dục ở Châu Á đang chọn “Phương pháp học trực tuyến như là một biểu tượng hiện đại hóa của họ” chứ không phải là kết quả của nghiên cứu và đánh giá khả năng tiếp cận e-learning (Hardhono et al., 2007). Trường Đại học Mở Indônêsi: Universitas Terbuka (UT), là trường đại học công lập và duy nhất ở Indônêsi tiến hành dạy-học bằng phương thức từ xa, UT hiện có hơn 7 000 giảng viên được tập huấn và được công nhận. Phụ đạo trực tiếp được tổ chức tại các địa phương do các văn phòng khu vực đảm nhận, và do các chuyên gia đại học địa phương giảng dạy. Hướng dẫn trực tuyến được quản lý tại các trụ sở chính và do giảng viên của UT tiến hành, sử dụng hệ thống quản lý học tập dựa trên mã nguồn mở Moodle. Hướng dẫn qua sóng phát thanh được truyền tải qua hệ thống Đài phát thanh quốc gia. UT cung cấp dịch vụ tư vấn học tập, trực tiếp tại Văn phòng khu vực hoặc trực tuyến. Các dịch vụ hỗ trợ trực tuyến được học viên truy cập qua các cổng thông tin điện tử của UT, bao gồm: Hướng dẫn trực tuyến và bài tập, tài liệu học tập trên web, chương trình truyền hình trực tiếp, thư viện kỹ thuật số với các tạp chí, bảng điểm, tư vấn học tập, sách điện tử, ghi danh trực tuyến và các bài trên mạng. Do sự giới hạn truy cập Internet của học viên cho nên, chỉ khoảng 5% số học viên tận dụng được các dịch vụ trực tuyến. Nhóm phân tích thái độ về các nguồn lực trên mạng ở khu vực Châu Á cho biết sự cần thiết phải cải thiện chính sách và cơ sở hạ tầng trước khi giáo viên và học viên có thể thực hiện tối ưu các kỹ thuật WWW, cùng một kết luận đã được rút ra của nhiều nhà nghiên cứu trước đó (Gulati, 2008).

Một nghiên cứu phối hợp của các thành viên 14 nước Châu Á thuộc dự án PANdora đã cung cấp dữ liệu về các lý do khó tiếp cận được với Internet trong khu vực (Baggaley et al., 2007). Các nghiên cứu đã xác định thời gian truy cập vào các trang web trong các thành phố lớn tại Châu Á và cho rằng “Trong hầu hết các điều kiện khảo sát, thời gian trình duyệt chậm hơn bốn lần so với quy định thông thường có thể chấp nhận được. Sự rớt mạng của các trang web thường xuyên xảy ra”. Sử dụng các truy cập có sẵn ‘traceroute’, nghiên cứu cũng phân tích các tuyến đường dẫn của trang web từ trang web của máy chủ tại các cơ sở giáo dục Châu Á. Tất cả các

trang web đều đi qua các máy chủ trung gian trước khi đi tới mục tiêu, gây ra tình trạng không thành công lớn hơn. Trong khi đó tại Canada, để truy cập trang web trên máy chủ người sử dụng chỉ đi vài hops, nhưng người dùng ở Châu Á thường phải đi qua 20 hops hoặc nhiều hơn, và cuối cùng không đạt được mục tiêu của họ. Nghiên cứu đã khuyến cáo sự phát triển của các trang web hiệu quả hơn và các điểm giao dịch Internet cho đào tạo trực tuyến ở Châu Á.

1.2. Khả năng tiếp cận trực tuyến và sự chấp nhận ở Châu Á

1.2.1. Khả năng tiếp cận.

Cuộc khảo sát của Samaranyake et al. (2007) đã nêu lên sự gia tăng của máy vi tính và công nghệ thông tin và truyền thông tại Bhutan, Pakistan và Sri Lanka từ những năm 1990 trở lại đây và sự tăng lên mạnh mẽ trong việc sử dụng tin học trong nhà trường. Chính sách miễn thuế của Chính phủ đối với máy tính đã tạo điều kiện cho nhiều người dân có khả năng mua được máy tính phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu tại nhà riêng của mình. Khảo sát cũng cho rằng người học cũng rất hào hứng với phương pháp học bằng công nghệ thông tin và truyền thông tại các nước Nam Á, địa điểm chính cho học viên sử dụng máy vi tính là tại các cơ sở giáo dục. Tỷ lệ người học sử dụng máy tính tương đối cao ở Sri Lanka, nơi hơn hai phần ba số học viên được truy cập tại các cơ sở giáo dục. Tại Bhutan và Pakistan dưới một nửa số học viên được truy cập máy tính. Tại Pakistan và Sri Lanka việc truy cập Internet của học viên chủ yếu tại cơ sở giáo dục và tại các nơi làm việc, việc truy cập Internet tại các quán cà phê Internet là tương đối phổ biến, một số nơi người học sử dụng kết nối dial-up chậm và phải đối mặt với vấn đề vi rút máy tính nghiêm trọng. Hầu hết người học có khiếu nại rằng Internet thường bị ngắt trước khi họ có thể tải về các tập tin đa phương tiện cần thiết cho việc học trực tuyến. Các nước Nam Á, nguồn học liệu dựa vào công nghệ thông tin và truyền thông được sử dụng trong các chương trình học tập. Tuy nhiên hơn 90% các khóa học, người học chỉ sử dụng một phần và khả năng sử dụng tài liệu học tập tương tác là tối thiểu.

1.2.2. Khả năng chi trả

Công trình nghiên cứu của Samaranyake cũng chỉ ra rằng chi phí sử dụng Internet cao là một vấn đề cho nhiều học viên, mặc dù phần lớn số học viên có đủ điều kiện chi trả cho khóa học dựa vào công nghệ thông tin và truyền thông với sự cố gắng của bản thân và sự hỗ trợ của các bậc phụ huynh. Với

chi phí cao cho việc kết nối Internet so với thu nhập tại các địa phương của người đi học cho biết những ưu tiên cao cho giáo dục của người học và phụ huynh là như nhau. Vì vậy, khả năng tiếp cận và tính sẵn có của Internet là những trở ngại lớn cho học trực tuyến hơn là khả năng chi trả của người học.

1.3. Các mô hình thích hợp cho các quốc gia khác nhau

Các công trình nghiên cứu đã xem xét sự lựa chọn thay thế cho phương pháp trực tuyến trong giáo dục từ xa, ví dụ: Sử dụng máy tính có trợ giúp các nguồn học liệu, truyền hình, truyền thanh, điện thoại di động và các học liệu nghe nhìn khác. Khả năng sẵn có của các học liệu công nghệ không dựa vào Internet tỏ ra hài lòng trong các cơ sở giáo dục cũng như tại nhà các học viên. Đĩa CD đa phương tiện là học liệu có hiệu quả đối với học viên, mặc dù chất lượng của nó không phải lúc nào cũng tốt, và các vấn đề dịch vụ điện ở các vùng nông thôn xa xôi hẻo lánh bị cô lập, yếu tố kinh tế và thiếu nội dung học tập trong ngôn ngữ địa phương thường cản trở khả năng tiếp cận và chấp nhận công nghệ thông tin và truyền thông. Việc sử dụng các phương tiện giáo dục từ xa kết hợp (Blended) đáng được khuyến khích trong các khu vực như vậy và đang ngày càng trở nên quan trọng trong tất cả các loại hình giáo dục. Tại các nước Nam Á công trình nghiên cứu của Samaranyake chỉ ra rằng, phương tiện truyền thông hỗn hợp là phù hợp với nhu cầu của họ. Nghiên cứu đề xuất việc sử dụng rộng rãi hơn nữa đài phát thanh và truyền hình có độ bao phủ lớn và thường xuyên có sẵn trong hầu hết các nước Châu Á, và khuyến cáo thành lập các đài phát thanh, truyền hình giáo dục cho cả nước. Cơ sở hạ tầng công cộng cần theo kịp đáp ứng nhu cầu trong phạm vi toàn quốc. Các cơ sở công lập cũng như cơ sở tư nhân đều có thể tham gia vào những chương trình như vậy, tuy nhiên vấn đề kinh phí thường eo hẹp. Nếu giáo dục từ xa được áp dụng rộng rãi như một phương tiện làm tăng tính truy cập với giáo dục ở khu vực Châu Á, các dự án như vậy chính là đầu tư cho các thế hệ tương lai.

Như vậy, sự hiện đại tập trung vào giáo dục trực tuyến ở các nước đang phát triển dường như đã không thành công do thiếu khả năng tiếp cận, làm cho đa số người dân không thể tiếp cận được với công nghệ này do cơ sở hạ tầng còn yếu kém chưa theo kịp sự phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, do vậy các phương pháp dựa trên Internet không tỏ ra tác dụng ở nhiều nơi. Các nước đang phát triển sẽ không sáng suốt nếu chạy theo tầm

gương của các cơ sở đào tạo muốn ôm mộng dẫn đầu thế giới, bỏ đi các phương tiện truyền thông như đài phát thanh và truyền hình cho dù các công nghệ này dễ truy cập hơn Internet và World-Wide-Web trong tất cả các phần của thế giới. Trong khi đó, các nghiên cứu về khả năng tiếp cận và chấp nhận có thể tạo ra kết luận hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách giáo dục liên quan đến việc thiết kế các trang web và đường truyền Internet mới cho thế giới đang phát triển. Công nghệ thông tin và truyền thông, đặc biệt là chương trình dựa trên máy tính, là thành phần cấu thành của tất cả các khía cạnh của cuộc sống, cần phải làm cho các trường học có thể dễ dàng tiếp cận, không chỉ cho việc học mà còn là sự chuẩn bị cho cuộc sống. Trong khi chờ đợi để nâng cao chất lượng truy cập vào các cơ sở công nghệ thông tin hiện đại như máy tính và Internet, cần có phạm vi sử dụng rộng rãi cho các đài phát thanh, truyền hình, điện thoại di động, những phương tiện truyền thông có sẵn trong đời sống hàng ngày.

2. Một số vấn đề Việt Nam cần nghiên cứu và ứng dụng

Học tập dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông tạo cho học viên giáo dục từ xa quyền lợi đáng kể, tiết kiệm thời gian và giúp học viên học tập hiệu quả hơn, hiểu các khái niệm, lý thuyết, tìm kiếm thông tin có liên quan một cách dễ dàng, và làm cho quá trình học tập thú vị. Với điều kiện Việt Nam hiện nay, nền kinh tế trên con đường hội nhập Quốc tế, có những điểm tương đồng với các nước khu vực, quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong giáo dục từ xa có những điều kiện thuận lợi và khó khăn sau:

2.1. Điều kiện thuận lợi:

Năm 2002, Chính phủ đã công bố chương trình Chiến lược Quốc gia về phát triển công nghệ thông tin và truyền thông, là một điều kiện cơ bản để đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào lĩnh vực giáo dục tại nước ta.

Môi trường giáo dục ở nước ta đang dần thay đổi, phương pháp dạy-học truyền thống lấy thầy làm trung tâm đang nhường chỗ cho môi trường người học làm trung tâm, do công nghệ thông tin và truyền thông được tích hợp vào hệ thống. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông được cung cấp cho cả giáo viên và học viên. Trong khi truy cập là thách thức trước mắt, có dấu hiệu tích cực là văn hóa sử dụng công nghệ thông tin cho mục đích học tập đang phát triển trong cả nước và cần thúc đẩy một cách có hệ thống. Nhận thức của công chúng về lợi ích của công nghệ thông tin và truyền thông,

phương pháp giáo dục từ xa cần được nâng lên, khuyến khích đầu tư cho tương lai bằng nguồn truy cập giáo dục dễ dàng và giá cả phải chăng cả ở nhà cũng như tại nơi làm việc, học tập. Đối với những người thiếu những nguồn lực riêng của mình tại nhà, điều quan trọng là người học có thể truy cập được ở nơi gần nhà, ví dụ tại các cơ sở giáo dục từ xa tại các địa phương chẳng hạn. Tại nước ta, đang bắt đầu mang các quyền lợi về công nghệ thông tin và truyền thông cho các cộng đồng nông thôn thông qua các mô hình trung tâm viễn thông cộng đồng đa mục đích, và đường trục băng thông rộng Quốc gia đang được phát triển và hoàn thiện do các công ty viễn thông thực hiện tối đa hóa việc sử dụng các nguồn lực dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông.

2.2. Điều kiện khó khăn

Theo tổng điều tra dân số ngày 1 tháng 4 năm 2009 tỷ lệ dân số nước ta sống tại các vùng nông thôn chiếm 70,4% dân số, nhiều tỉnh dân số sống tại các vùng nông thôn còn khá phổ biến như: Hà Nam 92,2%, Thái Bình 90,1%, Thanh Hóa 89,6%, Hưng Yên 87,7%, Tuyên Quang 87,1%, Sơn La 86,1%, Lai Châu 85,7%, vì vậy, học tập dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông gặp nhiều khó khăn. Khi cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông tại các vùng nông thôn ở nước ta còn nhiều hạn chế, người dân phần lớn không đủ khả năng chi trả cho các nguồn lực cần thiết để học tập dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông.

Đối với các trường Đại học, cuộc khảo sát của PGS.TS Nguyễn Việt Hương và các cộng sự (2009), về sự hiểu biết và đánh giá về E-learning của sinh viên Trường đại học Bách Khoa Hà Nội, cho biết 100% sinh viên được điều tra đều đã nghe về học tập trực tuyến, trong đó khoảng 61,9% đã từng biết đến một chương trình học tập trên mạng. Sinh viên đánh giá học tập trực tuyến có ưu điểm: (i) Dễ dàng cập nhật kiến thức hiện đại (83,33%), (ii) Có thể học mọi lúc (57, 14%), (iii) Mọi nơi (28,57%), (iv) Trao đổi đối thoại với thầy cô, bạn bè thoải mái (16,67%). Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, các ý kiến cũng cho rằng, học tập trực tuyến có một số nhược điểm nhất định như: (i) Không được trao đổi trực tiếp với giáo viên (35,71%), (ii) Yêu cầu người học phải tự giác, tự lực cao (30,95%), (iii) Nội dung học tập chưa phong phú, không linh động, không hiểu được năng lực của người học (28, 57%), (iv) Cần trang bị hạ tầng tốn kém như máy tính, Internet, các phương tiện thông tin hiện đại (16,67%), (v) Khó khăn đối với những người chưa

tiếp xúc nhiều với máy tính (7,14%), (vi) Khả năng nói và phản biện trước đám đông của người học giảm (4,76%). Do vậy E-learning hiện nay như sự bổ sung cho giáo dục truyền thống và giáo dục từ xa tại các cơ sở giáo dục trong cả nước. Ở nước ta hiện nay, những cơ sở giáo dục thường thiếu nguồn lực về thiết bị và bảo trì hoạt động.

Hiện nay nước ta chưa có chính sách đầu tư từ Ngân sách Nhà nước cho loại hình giáo dục từ xa. Phần lớn các cơ sở giáo dục từ xa đang tự chủ, lấy thu bù chi cho các hoạt động đào tạo từ xa, hoặc tranh thủ các nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Do vậy, giáo dục từ xa là loại hình đào tạo, chủ yếu khai thác tốt khả năng thu hút nguồn vốn từ chủ trương “Xã hội hóa” trong giáo dục và đào tạo, cho nên khả năng đầu tư cho cơ sở hạ tầng gặp nhiều khó khăn nhất định.

3. Kết luận

Học tập dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông là những phương pháp phát triển mới về hệ thống quản lý học tập, chúng cần phải được đánh giá cẩn thận để xem nêu những phương pháp đó cải thiện được thực tế đang tồn tại. Tuy nhiên cũng cần phải được xác nhận rằng, mặt tiến bộ của những phương pháp này thật sự quá tải so với các phương pháp tiếp cận hiện nay, bởi vì không cần thiết thay đổi sự hỗ trợ khóa học của hệ thống quản lý học tập, và có thể làm gián đoạn quá trình phát triển, gây khó khăn cho cả giáo viên và học viên giáo dục từ xa. Tuy nhiên, các cơ sở giáo dục từ xa nước ta có thể

phát triển mạnh mẽ cách thức để phân phối tài liệu khóa học cho học viên giáo dục từ xa dựa trên Moodle qua đĩa CD cũng như trực tuyến. Cách tiếp cận này cho phép thiết kế khóa học sử dụng một hệ thống quản lý các khóa học đơn lẻ trực tuyến và ngoại tuyến của học viên, mà không cần phải sản xuất tài liệu khác cho mỗi khóa học. Sự khác biệt lớn giữa trực tuyến và ngoại tuyến trong tình huống học tập là học viên ngoại tuyến thiếu quyền truy cập vào các tính năng tương tác của Moodle, trong khi đó học viên trực tuyến có thể sử dụng các tính năng tương tác và cập nhật các tài liệu trực tiếp từ máy chủ của trang web. Tuy vậy, có thể khắc phục các vấn đề về khả năng tiếp cận và giải quyết các vấn đề bằng cách tạo ra các phương pháp dựa trên tin nhắn SMS cho các học viên ngoại tuyến sử dụng cùng với đĩa CD, kết hợp sử dụng mã nguồn mở Moodle, đĩa CD và tin nhắn SMS với kỹ thuật web, có thể bù đắp cho sự thiếu hụt tương tác do không có khả năng truy cập Internet.

Cuối cùng, Chính phủ cần khuyến khích và tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, đào tạo giáo viên, nội dung cho các dân tộc, các cộng đồng tôn giáo và các cộng đồng xã hội trên cơ sở bình đẳng. Điều này có thể đạt được thông qua việc ứng dụng các phương pháp dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông thích hợp cho các nhóm đối tượng người học khác nhau. □

Tài liệu tham khảo:

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hương, PGS.TS. Phạm Minh Việt; Ths. Nguyễn Thị Hương Giang (2009), “Đề xuất công cụ nâng cao chất lượng đào tạo các khóa học trực tuyến ở Việt Nam”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về giáo dục mở và từ xa, NXB Thế giới.
2. Baggaley, J. & Belawati, (2007). *Distance Education Technologies in Asia*. Lahore: Virtual University of Pakistan.
3. Gulati, S. (2008) Technology-enhanced learning in developing nations: a review. *International Review of Research in Open and Distance Learning* 9, 1. Online: www.irrodl.org/index.php/irrodl/article/view/477/1012
4. Gunawardena, C. (Ed.) (1995) *Distance Education Initiatives in Teacher Education in South Asia, with Focus on Primary and Secondary Levels*. Colombo: Open University of Sri Lanka Press.
5. Hardhono, A.P. & four co-authors (2007) Developing an Asian Learning Object Repository. In J. Baggaley & T. Belawati (Eds.) *Distance Education Technologies in Asia*. Lahore: Virtual University of Pakistan.
6. Jamtsho, S. & Bullen, M. (2007) Distance education in Buhtan: improving access and quality through ICT use. *Distance Education* 28, 2, pp. 149-161.
7. Samaranyake, V.K. & nine co-authors (2007) Accessibility, acceptance and effects of Distance education in Sthouth Asia. In J. Baggaley, J. & Belawati (Eds.) *Distance Education Technologies in Asia*. Lahore: Virtual University of Pakistan.